

Bản án số: 35/2020/ HSST
Ngày: 07/ 8/ 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cương và ông Lê Thanh Thu.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2020/ HSST ngày 22/7/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên bị cáo: Trần Văn T, sinh năm 1962; nơi sinh: Tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn 1, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q và bà Lê Thị H (đều đã chết); có vợ: Chị Phạm Thị L và có 03 người con, con lớn sinh 1987, con nhỏ sinh năm 1995.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

Người bị hại: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1980; trú tại: Thôn 1, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

Người làm chứng: Chị Phạm Thị Đ, chị Lại Thị Thu H, có mặt; anh Hà Duy M, anh Hoàng Đình H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T, sinh năm 1962 và chị Phạm Thị D, sinh năm 1980, trú tại thôn 1, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình là hàng xóm và có quan hệ tình cảm với nhau. Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 2020, T đi bộ từ nhà mình

sang nhà chị D chơi. T và chị D ngồi chơi trong phòng khách khoảng 30 phút; sau đó T đứng dậy đi về và chị D ra khóa cửa và vào buồng ngủ. Sau khi ra khỏi nhà chị D thì T ra ngoài đường đứng khoảng 10 phút, sau đó T lại quay vào nhà chị D. T đi bộ đến hàng rào, trèo qua hàng rào và leo lên sân thượng mở cửa đang khép hờ không khóa đi vào phòng ở tầng 2 rồi đi xuống tầng 1 đến phòng khách nhà chị D, T cởi quần áo dài đang mặc ra và chỉ mặc quần đùi cởi trần đi vào phòng ngủ nhà chị D rồi leo lên giường nằm tình cảm với chị D, đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, T đi từ phòng ngủ ra phòng khách mặc lại quần áo rồi đi vào phòng tắm nhà chị D để rửa tay; lúc này T nhìn thấy trên chậu quần áo trong nhà tắm nhà chị D có 01 chiếc ví bằng vải màu đen, T liền cầm ví lên nắn thấy ví dày, đoán trong ví có tiền, T lấy chiếc ví bỏ vào túi quần bên trái rồi đi ra phòng khách, chị D từ phòng ngủ đi ra mở cửa chính cho T về. T tiếp tục trèo qua hàng rào nhà chị D để ra đường. Trên đường đi về nhà T lấy ví ra móc hết tiền bỏ vào túi quần bên trái và ném chiếc ví đi, rồi đi bộ về nhà ngủ. Đến khoảng 06 giờ ngày 01/5/2020, T mang số tiền đã lấy của chị D ra đếm được 37.200.000 đồng gồm 73 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 07 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng. Sau đó T lấy 05 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng trong số tiền trộm cắp trong ví của chị D đi mua đồ sinh hoạt cá nhân. Khi về nhà T đã lấy 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng bỏ bù vào số tiền mà T vừa tiêu. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 01/5/2020 chị D phát hiện mất ví đã trình báo đến Công an xã Khánh T nên Công an xã Khánh T đã triệu tập T đến làm việc. Quá trình làm việc T thừa nhận đã lấy trộm số tiền 37.200.000 đồng của chị D, Công an xã Khánh T đã chuyển vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Khánh giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, T đã tự nguyện giao nộp số tiền 37.200.000 đồng gồm 74 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng.

Quá trình điều tra, Trần Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKSYK ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Trần Văn T, ra trước Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh để xét xử về tội: “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T với mức án từ 18 tháng đến 21 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 42 tháng kể từ ngày tuyên án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị D đã nhận lại số tiền 37.200.000 đồng bị mất, còn về chiếc ví bằng vải màu đen, trên đường về bị cáo đã lấy hết tiền và ném ở mé đường. Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được, nay chị D xác định chiếc ví đã cũ, có giá trị thấp nên chị không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa chị Phạm Thị D xác định việc mất tài sản như bị cáo khai nhận là đúng, chị đã nhận lại đủ số tiền bị mất, về chiếc ví không có giá trị nên chị không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người làm chứng xác định lời khai của họ tại cơ quan điều tra là đúng, tại phiên tòa bị cáo khai nội dung sự việc là phù hợp với thực tế.

Bị cáo nói lời sau cùng: Nhận thấy hành vi phạm tội là đúng, phạm tội do bột phát nên xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Khánh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, Quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Do có quan hệ tình cảm từ trước nên vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 30 /4/ 2020, T đi bộ đến nhà chị D và ngồi nói chuyện ở phòng khách khoảng 30 phút; sau đó T ra về và chị D ra khóa cửa. T ra đứng ở đường khoảng 10 phút, thì quay lại đi vào nhà chị D. T trèo qua hàng rào và leo lên sân thượng mở cửa cầu thang và đi xuống phòng khách ở tầng 1, rồi T cởi quần áo dài ra, T mặc quần đùi cởi trần đi vào phòng ngủ và lên giường tình cảm với chị D, đến khoảng 23 giờ 30 phút thì T đi ra phòng khách mặc quần áo dài và đi vào phòng tắm để rửa tay, T nhìn thấy trên chậu quần áo trong phòng tắm có 01 chiếc ví bằng vải màu đen, T cầm ví lên nhìn thấy dày, đoán trong ví có tiền, T bỏ chiếc ví

vào túi quần bên trái rồi đi ra phòng khách, chị D ở trong phòng ngủ đi ra mở cửa để T đi về. T trèo qua hàng rào để ra đường đi về. Trên đường về T lấy ví ra, lấy hết tiền bỏ vào túi quần bên trái, rồi ném chiếc ví đi, rồi về nhà ngủ. Đến khoảng 06 giờ ngày 01/5/2020, T mang tiền ra đếm được 37.200.000 đồng gồm 73 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 07 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng. Sau đó T lấy 05 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Tại Cơ quan điều tra, T thừa nhận đã lấy trộm số tiền 37.200.000 đồng của chị D và tự nguyện giao nộp số tiền 37.200.000 đồng (gồm 74 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, trong đó có 1 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng mà Tuấn bỏ ra bù vào số tiền đã chi tiêu) cho Cơ quan điều tra.

Nội dung Điều 173 tội trộm cắp tài sản của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo Trần Văn T nêu trên đã phạm tội “ Trộm cắp tài sản”, được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an tại địa phương. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật, để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Là trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện nộp lại số tiền để bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bản thân bị cáo có thời gian hơn ba năm phục vụ quân đội đã được chính quyền xác nhận, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, với

thời gian thử thách nhất định, dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền nơi bị cáo cư trú cũng đủ để giáo dục cải tạo bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn cảnh, kinh tế của bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về các biện pháp tư pháp - Trách nhiệm dân sự - Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện bỏ ra 500.000 đồng do đã chi tiêu để nộp lại đủ số tiền 37.200.000 đồng cho Cơ quan điều tra, nay chị D đã nhận số tiền này và không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Văn T là người thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản ”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 07 tháng 8 năm 2020).

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

“ Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần chở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Khánh;
- Cơ quan CSĐT.CA huyện Yên Khánh;
- Cơ quan THAHS huyện Yên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh;
- Bị cáo; Người bị hại,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung.